

Số: 1009 /QĐ-CHHVN

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm
thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng của Cục Hàng hải Việt Nam**

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BGTVT ngày 03/4/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3158/QĐ-BGTVT ngày 03/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải Ban hành kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng của Cục Hàng hải Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GTVT (để b/c);
- Thanh tra Bộ GTVT;
- Tổ công tác/p/h t/h PCTN;
- Website Cục;
- Lưu: VT, TTHH (3b).

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Sang

KẾ HOẠCH

**Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng của
Cục Hàng hải Việt Nam**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1009/QĐ-CHVN** ngày **29** tháng **9** năm
2015 của Cục Hàng hải Việt Nam)

I. MỤC ĐÍCH

Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) nhằm đánh giá tình hình thực hiện Luật PCTN, thực trạng tham nhũng và hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng của Cục Hàng hải Việt Nam (Cục HHVN) và các đơn vị trực thuộc Cục kể từ khi có Luật PCTN năm 2005 đến nay; làm rõ những kết quả đạt được, những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; rút ra bài học kinh nghiệm, từ đó kiến nghị các biện pháp, giải pháp làm cơ sở cho việc hoàn thiện căn bản hệ thống, chính sách, pháp luật về PCTN; tăng cường nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện các giải pháp phòng, chống tham nhũng trong công tác quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải, đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác PCTN giai đoạn tiếp theo.

II. NỘI DUNG TỔNG KẾT

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các đơn vị chủ động tổng kết theo các nội dung sau:

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến pháp luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, Chương trình hành động của Chính phủ về PCTN:

- Việc triển khai thực hiện Luật PCTN và các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN;

- Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên về công tác PCTN; tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong PCTN;

- Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN; hiệu quả và chất lượng thực hiện;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, giáo dục pháp luật PCTN; nguyên nhân của những hạn chế đó.

2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:

Nêu cụ thể những kết quả đã đạt được theo từng biện pháp phòng ngừa tham nhũng quy định tại Luật PCTN, những việc chưa làm được, những khó khăn, hạn chế, tồn tại và phân tích rõ nguyên nhân; chú trọng phân tích sâu một số nội dung sau:

2.1. Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị:

- Công khai, minh bạch trong mua sắm công và xây dựng cơ bản;
- Công khai, minh bạch về tài chính;
- Công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- Công khai, minh bạch trong hoạt động giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân;
- Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức-cán bộ.

2.2. Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công (gắn với kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí).

2.3. Thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy chế văn hóa công sở; việc chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức.

2.4. Thực hiện các quy định về công khai, minh bạch tài sản thu nhập.

2.5. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng.

2.6. Công tác cải cách hành chính.

2.7. Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế trong tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế đó.

3. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng:

- Kết quả phát hiện tham nhũng qua công tác kiểm tra, giải quyết tố cáo của đơn vị;
- Kết quả xử lý hành vi tham nhũng: xử lý cá nhân tham nhũng, xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan;
- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế trong công tác phát hiện và xử lý tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế đó.

4. Đánh giá tình hình tham nhũng và nguyên nhân; những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện Luật PCTN.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục HHVN giao Tổ công tác phối hợp thực hiện PCTN của Cục HHVN do Thanh tra Cục là đầu mối triển khai thực hiện Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN và tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN của Cục HHVN vào đầu tháng 11/2015.

2. Trên cơ sở hướng dẫn nội dung tổng kết tại Phần II, các đơn vị trực thuộc Cục chủ động tiến hành tổng kết và báo cáo kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN kèm theo 04 Phụ lục báo cáo theo hướng dẫn tại Công văn số 2344/TTCP-C.IV ngày 14/8/2015 của Thanh tra Chính phủ (có gửi kèm theo Kế hoạch này) về Thanh tra Cục **trước ngày 20/10/2015**.

3. Giao một số đơn vị sau xây dựng báo cáo chuyên đề để báo cáo tại Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN của Cục HHVN:

- Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì xây dựng chuyên đề: Đánh giá kết quả thực hiện công khai minh bạch trong công tác tổ chức - cán bộ; thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy chế văn hóa công sở, chuyển đổi vị trí công tác, công khai, minh bạch tài sản, thu nhập của công chức, viên chức;

- Phòng Tài chính chủ trì xây dựng chuyên đề: Công khai, minh bạch trong việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước, tài sản công.

- Phòng Công trình hàng hải chủ trì xây dựng chuyên đề: Đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Chống tham nhũng, thất thoát trong nạo vét, duy tu luồng hàng hải” và công tác công khai minh bạch trong đầu tư xây dựng cơ bản.

- Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng chủ trì xây dựng chuyên đề: Công tác cải cách hành chính tại khu vực cảng biển Hải Phòng góp phần phòng ngừa tham nhũng.

- Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng chủ trì xây dựng chuyên đề: Công khai, minh bạch trong hoạt động của đơn vị.

- Cảng vụ Hàng hải Tp. Hồ Chí Minh chủ trì xây dựng chuyên đề: Thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức công vụ, quy chế văn hóa công sở trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

- Trường Cao đẳng hàng hải I chủ trì xây dựng chuyên đề: Đánh giá kết quả thực hiện việc lồng ghép nội dung giảng dạy phòng, chống tham nhũng vào trong chương trình giảng dạy của nhà trường.

Các đơn vị gửi Báo cáo chuyên đề về Thanh tra Cục **trước ngày 20/10/2015**.

4. Thanh tra Cục có trách nhiệm tổng hợp kết quả, xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN của Cục HHVN, báo cáo Bộ GTVT **trước ngày 20/11/2015** theo quy định./.



PHỤ LỤC SỐ 01

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU
VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (Từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)
(Kèm theo Công văn số 2344/TTCP-C.IV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Thanh tra Chính phủ)

MS	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	

	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
26a	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do có dấu hiệu tham nhũng	Người	
26b	Số yêu cầu giải trình đã được giải trình theo quy định về trách nhiệm giải trình	Yêu cầu	
26c	Tỷ lệ đã thực hiện giải trình so với số yêu cầu giải trình đủ điều kiện để giải trình	%	
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG		
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	<i>Qua hoạt động thanh tra</i>		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua công tác kiểm toán</i>		
37	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm toán	Vụ	
38	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm toán	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
39	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
40	Số bị can tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	<i>Công tác truy tố tội phạm tham nhũng</i>		
41	Số vụ án tham nhũng đã bị truy tố	Vụ	
42	Số vụ án tham nhũng đã bị đình chỉ, tạm đình chỉ	Vụ	
43	Số bị can tham nhũng đã bị truy tố	Người	
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		

44	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>)	Vụ	
45	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>)	Người	
	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người	
46	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
47	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
48	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
49	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
	+ Đất đai	m ²	
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
50	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	
51	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương	Người	
	+ Tặng Giấy khen	Người	

Lưu ý:

- Không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu.
- Các bộ, ngành, địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của bộ, ngành, địa phương (các địa phương không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn)/.

PHỤ LỤC SỐ 02**Tình hình tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN
(Thời điểm 31/8/2015)***(Kèm theo Công văn số 2344/TTCP-C.IV ngày 14/8/2015 của Thanh tra chính phủ)*

TT	DIỄN GIẢI	Tổng	Trong đó		
			Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp huyện (sở)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị (CQ, TC, ĐV) đang thực hiện chức năng PCTN				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
2	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
3	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc cơ quan công an				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
4	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc viện kiểm sát nhân dân				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
5	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc toà án nhân dân				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
6	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc Kiểm toán Nhà nước				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
7	Số CQ, TC, ĐV khác thực hiện chức năng PCTN				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
8	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (CB,CC,VC) thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				

9	Tổng số CB,CC,VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
10	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc cơ quan công an				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
11	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Viện KSND				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
12	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Toà án nhân dân				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
13	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Kiểm toán Nhà nước				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
14	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức khác đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN				
15	Số CB,CC,VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng chưa được đào tạo phù hợp với nhiệm vụ về PCTN đang đảm nhiệm				
16	Số CB, CC, VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng không có chế độ đãi ngộ đặc thù				

PHỤ LỤC SỐ 03

Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN (Từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)

(Kèm theo Công văn số 2344/TTCP-C.IV ngày 14/8/2015 của Thanh tra chính phủ)

TT	DIỄN GIẢI	Tổng	Kết quả của cơ quan thanh tra		
			Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp huyện, sở
1	Số cuộc thanh tra theo kế hoạch				
2	Số cuộc kiểm tra theo kế hoạch				
3	Số cuộc thanh tra đã triển khai				
4	Số cuộc kiểm tra đã triển khai				
5	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra				
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra				
7	Số cuộc thanh tra đã có kết luận				
	Số cuộc kiểm tra đã có kết luận				
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc:				
	-Xây dựng chương trình kế hoạch PCTN				
	-Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch PCTN				
	-Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTN				
9	- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị kết luận có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện quy định về phòng ngừa tham nhũng (<i>Phân tích chi tiết số cơ quan, tổ chức, đơn vị có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện các quy định về phòng ngừa tham nhũng theo các nội dung sau</i>):				
	- Công khai, minh bạch trong mua sắm công				
	- Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng				
	- Công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước				
	- Công khai, minh bạch trong việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân				
	- Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ				
	- Công khai, minh bạch trong quản lý đất đai, tài sản công				
	- Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức- cán bộ				

	- Trách nhiệm cung cấp thông tin				
	- Cải cách thủ tục hành chính				
	- Đổi mới công nghệ quản lý				
	- Xây dựng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn				
	- Thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn				
	- Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức viên chức				
	- Thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán				
	- Xử lý thông tin, giải quyết tố cáo về dấu hiệu tham nhũng trong nội bộ, theo chức năng quản lý nhà nước				
	- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác PCTN				
10	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập				
11	Số người bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập				
12	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng				
13	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng				
14	Số người đã có kết luận vi phạm Quy tắc ứng xử của CBCC, viên chức				
15	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm Quy tắc ứng xử				
16	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý trách nhiệm do đề xảy ra tham nhũng				
17	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng				
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót khác trong việc thực hiện các quy định của Luật PCTN				



Phụ lục số 04

NHỮNG VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ
SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Kèm theo Công văn số 2344/TTCP-C.IV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Thanh tra Chính phủ)

STT	Tên văn bản	Quy định có vướng mắc, bất cập	Phân tích cụ thể những vướng mắc, bất cập	Nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung
1	Luật phòng, chống tham nhũng	1. Điều.khoản.điểm.	1.	1.
		2.	2.	2.
		3.	3.	3.
		4.	4.	4.
		5.	5.	5.
		6.	6.	6.
		7.	7.	7.
		...	...	...
2	Bộ luật hình sự	1	1	1
		2	2	2
		3	3	3
		...	...	...
3	Nghị định số..	...	...	...
		...	...	...
		...	...	...
4	Thông tư số..	...	...	...
		...	...	...
		...	...	...